

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



CNTV4SA10N
L269H-50001

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 40

1759
GTY
KHU
TOÁN
L
CH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011	-
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008	26/5/2015
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	11/4/2011	26/5/2015
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên	24/4/2014	-
Ông Đỗ Thành Khiêm	Thành viên	26/5/2015	-
Ông Ngô Thanh Quyển	Thành viên	26/5/2015	-

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban	11/4/2011	-
Bà Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên	11/4/2011	26/5/2015
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên	13/6/2009	-
Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên	26/5/2015	-

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004	-
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009	-
Bà Nguyễn Thanh Loan	Phó Tổng Giám đốc	15/4/2015	-
Bà Nguyễn Thị Phước Diên	Kế toán trưởng	02/11/2012	18/6/2015
Ông Huỳnh Tiến Liễu	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính	07/8/2015	11/3/2016
Ông Lê Ngọc Khang	Kế toán trưởng	14/3/2016	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2016

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THANH NGHĨA

Số: 16.166A/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN THUY NHẢ VY

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1875-2015-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.242.408.783.734	927.817.020.559
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	20.906.249.112	51.103.593.185
1. Tiền	111		5.206.249.112	22.916.753.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.700.000.000	28.186.840.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	70.292.000.000	13.484.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.292.000.000	13.484.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		635.251.610.198	581.333.291.104
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	497.670.013.792	567.204.480.116
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17.137.530.058	1.762.001.370
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	131.413.960.117	22.605.580.183
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(11.091.174.189)	(10.360.050.985)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		121.280.420	121.280.420
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	479.644.853.677	200.553.536.068
1. Hàng tồn kho	141		485.838.033.590	201.542.447.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.193.179.913)	(988.911.925)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		36.314.070.747	81.342.600.202
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	865.065	13.541.669
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.312.743.682	81.327.596.533
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	462.000	1.462.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		720.694.423.551	760.309.088.416
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	27.218.920.903
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	-	27.218.920.903
II. Tài sản cố định	220		28.860.113.955	39.321.529.235
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	17.857.544.965	28.021.854.165
Nguyên giá	222		67.355.965.090	83.509.059.011
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.498.420.125)	(55.487.204.846)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	11.002.568.990	11.299.675.070
Nguyên giá	228		13.822.026.730	13.822.026.730
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.819.457.740)	(2.522.351.660)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.014.306.062	2.754.868.159
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	2.014.306.062	2.754.868.159
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	637.349.364.992	645.295.378.919
1. Đầu tư vào công ty con	251		646.194.000.000	646.194.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		68.477.795	68.477.795
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.913.112.803)	(967.098.876)
V. Tài sản dài hạn khác	260		52.470.638.542	45.718.391.200
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	44.571.107.539	45.718.391.200
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.11	7.899.531.003	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.963.103.207.285	1.688.126.108.975

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.222.842.566.922	903.100.707.796
I. Nợ ngắn hạn	310		1.222.372.566.922	902.064.707.796
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	571.043.271.506	310.531.253.765
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		15.587.318.266	4.932.080.829
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	8.508.989.666	8.690.086.620
4. Phải trả người lao động	314		224.078.980	354.706.669
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		119.457.624	685.781.401
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	45.026.113.889	43.932.919.274
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	581.448.090.822	530.129.777.897
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		415.246.169	2.808.101.341
II. Nợ dài hạn	330		470.000.000	1.036.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		5.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	465.000.000	1.036.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		740.260.640.363	785.025.401.179
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	740.260.640.363	785.025.401.179
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	614.356.040.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		614.356.040.000	614.356.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.764.683.540	160.764.683.540
3. Cổ phiếu quỹ	415		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.284.479.534	26.956.805.237
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.512.121.366	2.512.121.366
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.017.998.493)	39.074.436.620
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		38.519.157.745	41.396.480.885
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(44.537.156.238)	(2.322.044.265)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.963.103.207.285	1.688.126.108.975

NGƯỜI LẬP BIỂU

VÕ THỊ CẨM TÚ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ NGỌC KHANG

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT



NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.740.447.487.263	2.708.301.078.381
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	10.849.824
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.740.447.487.263	2.708.290.228.557
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.719.035.815.255	2.657.546.455.543
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.411.672.008	50.743.773.014
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	23.608.250.864	24.641.439.808
7. Chi phí tài chính	22	6.4	64.955.587.080	38.929.153.348
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		27.410.292.529	32.139.764.873
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	10.829.542.545	14.641.794.584
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	13.901.390.579	19.934.003.744
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(44.666.597.332)	1.880.261.146
11. Thu nhập khác	31	6.7	6.358.605.978	1.699.431.831
12. Chi phí khác	32	6.8	14.128.695.887	5.880.506.366
13. Lợi nhuận khác	40		(7.770.089.909)	(4.181.074.535)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(52.436.687.241)	(2.300.813.389)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	21.230.876
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(7.899.531.003)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(44.537.156.238)	(2.322.044.265)

NGƯỜI LẬP BIỂU

VÕ THỊ CẨM TÚ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ NGỌC KHANG

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT



NGUYỄN THANH NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. min	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(52.436.687.241)	(2.300.813.389)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		5.932.998.717	8.691.292.279
Các khoản dự phòng	03		13.881.405.119	1.245.911.763
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		7.555.557.355	2.180.795.671
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.129.731.285)	(4.234.920.802)
Chi phí lãi vay	06		27.410.292.529	32.139.764.873
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(4.786.164.806)	37.722.030.395
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.302.891.174	(219.333.801.427)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(286.162.846.395)	(74.469.040.774)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		267.087.785.234	104.642.482.369
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1.159.960.265	(10.381.534)
Tiền lãi vay đã trả	14		(27.873.160.661)	(32.483.020.779)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.442.229.601)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(521.239.800)	(204.386.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30.792.774.989)	(185.578.347.651)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(897.273.908)	(1.032.293.641)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.508.051.735	3.220.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(93.729.000.000)	(24.034.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.921.000.000	10.550.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(118.300.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	991.304.846
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.974.836.452	2.720.478.376
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.222.385.721)	(7.702.810.419)

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. min	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	65.999.970.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	1.253.833.581.231	1.465.574.315.538
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.208.029.422.363)	(1.372.033.508.087)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		45.804.158.868	159.540.777.451
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(30.211.001.842)	(33.740.380.619)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		51.103.593.185	84.966.022.076
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		13.657.769	(122.048.272)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		20.906.249.112	51.103.593.185

NGƯỜI LẬP BIỂU

VÕ THỊ CẨM TÚ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ NGỌC KHANG

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI DUYỆT



NGUYỄN THANH NGHĨA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 18 (31/12/2014: 46).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và mua bán sắt thép.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Ngành nghề sản xuất chính của Công ty là:
 - + Sản xuất thép cán nóng (P/O), thép cán nguội (C/R), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu (tôn mạ màu), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ.
 - + Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng. Sản xuất tấm lợp các loại.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:
 - + Mua bán sắt thép các loại.
 - + Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.
 - + Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
 - + Mua bán nông sản.
 - + Mua bán vỏ, ruột xe.
 - + Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
 - + Xây dựng nhà các loại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- + Thi công hệ thống điện công trình.
- + Thi công hệ thống nước công trình.
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- + Đúc sắt, thép.
- + Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- + Chế biến nông sản.
- + Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- + Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- + Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- + Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng thần 3, phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, Lô A, Đường 22, KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%	100%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2015 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Đà Nẵng	Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	Số 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Chi nhánh Cơ Khí	Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Long Mỹ	79A Trần Hưng Đạo, Ấp 1, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang
Chi nhánh Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

Chi nhánh tại Huyện Bình Chánh Số 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh tại huyện Dĩ An Số 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2001.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.2 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán chủ yếu là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính riêng năm 2015 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin so sánh trên báo cáo tài chính riêng năm 2015 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 4.26.

4.3. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới như được nêu tại mục 4.2.

4.4. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.5. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.7. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.8. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn thuê là 43 năm.

4.10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.11. Tài sản cố định vô hình

Ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

4.12. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

4.13. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trường hợp khoản vốn vay riêng biệt chỉ sử dụng cho việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời hạn xây dựng dưới 12 tháng.

4.14. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

4.15. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí lãi vay và các chi phí khác được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.17. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.19. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.22. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính riêng.

4.23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

4.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.25. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.26. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	22.605.580.183	5.463.992.407
Tài sản ngắn hạn khác	-	17.262.868.196
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	-
Tài sản cố định vô hình	11.299.675.070	57.010.856.539
Nguyên giá	13.822.026.730	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế	(2.522.351.660)	(5.950.690.269)
Chi phí trả trước dài hạn	45.718.391.200	7.209.731

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	VND	
	Năm trước	Năm trước
	(Được báo cáo lại)	(Đã được báo cáo trước đây)
Thu nhập khác	1.699.431.831	3.404.989.405
Chi phí khác	5.880.506.366	7.586.063.940

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	664.911.272	343.473.018
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.541.337.840	22.573.280.167
Các khoản tương đương tiền	15.700.000.000	28.186.840.000
Cộng	20.906.249.112	51.103.593.185

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với số tiền là - 15.700.000.000 VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.14.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	70.292.000.000	70.292.000.000	13.484.000.000	13.484.000.000

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 tháng với số tiền là 70.592.000.000 VND đang được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.14.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào công ty con:							
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	637.000.000.000	-		637.000.000.000	-		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	(8.913.112.803)		9.194.000.000	(967.098.876)		
Cộng	646.194.000.000	(8.913.112.803)		646.194.000.000	(967.098.876)		
Đầu tư vào đơn vị khác:							
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	68.477.795	-	104.513.400	68.477.795	-	77.542.200	

Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nên không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng.

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trên cơ sở giá niêm yết trên sàn chứng khoán và số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.3. Phải thu của khách hàng

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn:		
Các khách hàng có số dư mỗi khách hàng dưới 10% giá trị các khoản phải thu	48.271.569.733	111.838.001.250
Cộng	<u>48.271.569.733</u>	<u>111.838.001.250</u>

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

– Xem thêm mục 8.

Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	647.438.478	647.438.478
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	448.751.005.581	454.719.040.388
Cộng	449.398.444.059	455.366.478.866
Tổng cộng	<u>497.670.013.792</u>	<u>567.204.480.116</u>

Phải thu của khách hàng dài hạn:

Phải thu dài hạn của khách hàng là các bên liên quan

– Xem thêm mục 8.

Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	-	27.218.920.903
-------------------------------------	---	----------------

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Phải thu về việc chi hộ, cho mượn – Xem thêm mục 8.	125.553.563.860	-	785.134.730	-	
Tiền cho công nhân viên vay	500.000.000	(500.000.000)	500.000.000	(500.000.000)	
Tạm ứng	1.026.692.061	-	3.979.025.309	-	
Cầm cố, ký quỹ	21.588.144	-	13.162.562.467	-	
Phải thu khác	4.312.116.052	(1.338.493.156)	4.178.857.677	(1.338.493.156)	
Cộng	<u>131.413.960.117</u>	<u>(1.838.493.156)</u>	<u>22.605.580.183</u>	<u>(1.838.493.156)</u>	

5.5. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.091.174.189	-	10.597.812.638	237.761.653	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

VND

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH SX TM Tôn Tân Thành	2.896.315.858	-	Trên 3 năm	2.896.315.858	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	8.194.858.331	-	Trên 3 năm	7.701.496.780	237.761.653	Trên 2 năm
Cộng	11.091.174.189	-		10.597.812.638	237.761.653	

5.6. Hàng tồn kho

VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	44.449.026.172	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	145.534.881.163	(237.205.366)	122.602.477.651	(284.477.734)
Công cụ, dụng cụ	2.459.923.858	-	3.753.598.913	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	824.237.037	-	59.885.549	-
Thành phẩm	61.612.728.729	(5.212.785.494)	19.494.081.173	(35.030.171)
Hàng hóa	230.957.236.631	(743.189.053)	55.632.404.707	(669.404.020)
Cộng	485.838.033.590	(6.193.179.913)	201.542.447.993	(988.911.925)

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 160.357.000.000 VND – Xem thêm mục 5.14.

Việc trích lập thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho: do giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục					VND
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	17.168.175.072	47.170.049.853	18.611.890.808	558.943.278	83.509.059.011
Mua trong năm	-	46.795.000	-	-	46.795.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	913.330.363	-	913.330.363
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.675.913.430)	(14.222.305.854)	(215.000.000)	(17.113.219.284)
Số dư cuối năm	17.168.175.072	44.540.931.423	5.302.915.317	343.943.278	67.355.965.090
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	9.420.955.510	33.301.796.657	12.302.955.529	461.497.150	55.487.204.846
Khấu hao trong năm	902.380.548	2.904.629.764	1.813.238.296	15.644.029	5.635.892.637
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.598.030.257)	(9.893.449.200)	(133.197.901)	(11.624.677.358)
Số dư cuối năm	10.323.336.058	34.608.396.164	4.222.744.625	343.943.278	49.498.420.125
Giá trị còn lại:					
Tại ngày đầu năm	7.747.219.562	13.868.253.196	6.308.935.279	97.446.128	28.021.854.165
Tại ngày cuối năm	6.844.839.014	9.932.535.259	1.080.170.692	-	17.857.544.965

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 378.308.353 VND – Xem thêm mục 5.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.401.015.925 VND.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, để bảo lãnh cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 1.790.792.922 VND – Xem thêm mục 8.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	VND
			Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	13.730.727.730	91.299.000	13.822.026.730
Số dư cuối năm	13.730.727.730	91.299.000	13.822.026.730
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	2.453.877.423	68.474.237	2.522.351.660
Khấu hao trong năm	285.693.708	11.412.372	297.106.080
Số dư cuối năm	2.739.571.131	79.886.609	2.819.457.740
Giá trị còn lại:			
Tại ngày đầu năm	11.276.850.307	22.824.763	11.299.675.070
Tại ngày cuối năm	10.991.156.599	11.412.391	11.002.568.990

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 6.764.630.265 VND – Xem thêm mục 5.14.

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.373.079.535	2.754.868.159
Khác	641.226.527	-
Cộng	2.014.306.062	2.754.868.159

5.10. Chi phí trả trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	865.065	13.541.669
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất và cơ sở hạ tầng ở KCN	44.568.401.933	45.711.181.469
Các khoản khác	2.705.606	7.209.731
Cộng	44.571.107.539	45.718.391.200

Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất thuê đã dùng để thế chấp, bảo lãnh cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 44.568.401.933 VND – Xem thêm mục 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba:				-
Công ty Pos-Sea Pte	47.242.107.026	47.242.107.026	100.145.946.779	100.145.946.779
Công ty Future Materials Industry	107.118.480.224	107.118.480.224	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	217.009.449.921	217.009.449.921	203.993.368.208	203.993.368.208
Cộng	<u>371.370.037.171</u>	<u>371.370.037.171</u>	<u>304.139.314.987</u>	<u>304.139.314.987</u>
Phải trả người bán ngắn hạn là các bên có liên quan				
– Xem thêm mục 8.				
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	199.420.090.580	199.420.090.580	6.391.938.778	6.391.938.778
Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc	253.143.755	253.143.755	-	-
Cộng	<u>199.673.234.335</u>	<u>199.673.234.335</u>	<u>6.391.938.778</u>	<u>6.391.938.778</u>
Tổng cộng	<u>571.043.271.506</u>	<u>571.043.271.506</u>	<u>310.531.253.765</u>	<u>310.531.253.765</u>

5.12. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	VND					
	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	4.691.101	(3.202.309)	-	1.488.792
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	52.930.163.008	(52.930.163.008)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.277.781.978	6.851.872.664	(7.032.430.547)	-	8.097.224.095
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	103.086.243	-	-	-	103.086.243
Thuế thu nhập cá nhân	-	309.218.399	6.753.095	(8.780.958)	-	307.190.536
Các loại thuế khác	1.462.000	-	46.593.200	(47.593.200)	462.000	-
Cộng	<u>1.462.000</u>	<u>8.690.086.620</u>	<u>59.840.073.068</u>	<u>(60.022.170.022)</u>	<u>462.000</u>	<u>8.508.989.666</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.13. Phải trả ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	-	70.688.612
Bảo hiểm xã hội	-	38.487.536
Bảo hiểm y tế	17.083.325	9.894.949
Bảo hiểm thất nghiệp	3.685.042	101.632
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Các khoản phải trả liên quan đến thu hộ, chi hộ, tiền mượn các bên có liên quan – Xem thêm mục 8.	41.054.090.315	37.982.027.080
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.798.517.707	5.678.981.965
Cộng	45.026.113.889	43.932.919.274

5.14. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	VND					
	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	581.412.090.822	581.412.090.822	1.258.776.735.288	1.207.374.422.363	530.129.777.897	530.129.777.897
Vay dài hạn đến hạn trả	36.000.000	36.000.000	36.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000
Cộng	581.448.090.822	581.448.090.822	1.258.812.735.288	1.207.494.422.363	530.249.777.897	530.249.777.897

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6,0% đến 7,5%/năm đối với VND và từ 2,5% đến 4,3% đối với USD. Các khoản vay này được đảm bảo bằng số dư tiền gửi ngân hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định vô hình và tài sản của bên có liên quan - Xem thêm mục 5.1, 5.2, 5.6, 5.7, 5.8 và mục 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

	VND					
	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
Từ 1 năm trở xuống	36.000.000	36.000.000	36.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	465.000.000	465.000.000	-	571.000.000	1.036.000.000	1.036.000.000
	501.000.000	501.000.000	36.000.000	691.000.000	1.156.000.000	1.156.000.000
Trừ vay dài hạn đến hạn trả	(36.000.000)	(36.000.000)	(36.000.000)	(120.000.000)	(120.000.000)	(120.000.000)
Số phải trả trên 1 năm	465.000.000	465.000.000	-	571.000.000	1.036.000.000	1.036.000.000

Các khoản vay dài hạn với số tiền 465.000.000 VND là khoản vay bên liên quan có thời gian 28 tháng dưới hình thức tín chấp với lãi suất 0% - Xem thêm mục 8.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	26.017.792.309	2.479.121.366	89.890.471.570	721.961.883.201
Tăng vốn do phát hành cổ phần	66.087.570.000	(87.600.000)	-	-	-	-	65.999.970.000
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phần	46.907.570.000	-	-	-	-	(46.907.570.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(2.322.044.265)	(2.322.044.265)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	939.012.928	84.000.000	(1.023.012.928)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(563.407.757)	(563.407.757)
Chi quỹ	-	-	-	-	(51.000.000)	-	(51.000.000)
Số dư đầu năm nay	<u>614.356.040.000</u>	<u>160.764.683.540</u>	<u>(58.638.685.584)</u>	<u>26.956.805.237</u>	<u>2.512.121.366</u>	<u>39.074.436.620</u>	<u>785.025.401.179</u>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(44.537.156.238)	(44.537.156.238)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	327.674.297	31.000.000	(358.674.297)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(196.604.578)	(196.604.578)
Chi quỹ	-	-	-	-	(31.000.000)	-	(31.000.000)
Số dư cuối năm nay	<u>614.356.040.000</u>	<u>160.764.683.540</u>	<u>(58.638.685.584)</u>	<u>27.284.479.534</u>	<u>2.512.121.366</u>	<u>(6.017.998.493)</u>	<u>740.260.640.363</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

5.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	282.202.130.000	281.030.330.000
Vốn góp của các đối tượng khác	299.875.510.000	301.047.310.000
Cộng	582.077.640.000	582.077.640.000

5.15.3. Cổ phiếu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	61.435.604	61.435.604
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	3.227.840	3.227.840
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	58.207.764	58.207.764

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

5.15.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	VND	
	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	26.956.805.237	2.512.121.366
Trích trong năm	327.674.297	31.000.000
Chi trong năm	-	(31.000.000)
Số dư cuối năm	27.284.479.534	2.512.121.366

5.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
USD	6.290,82	556.746,02
EUR	100,26	100,27

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Nợ khó đòi đã xử lý:	1.812.487.702	1.812.487.702

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu:		
Doanh thu bán hàng	1.590.378.391.443	2.415.960.710.805
Doanh thu bán thành phẩm	149.374.823.723	291.738.202.848
Doanh thu bán phế liệu	682.471.697	602.164.728
Doanh thu dịch vụ	11.800.400	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Giảm giá hàng bán	-	(10.849.824)
Doanh thu thuần	1.740.447.487.263	2.708.290.228.557

Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 8:

Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	1.042.432.542.689	1.726.539.986.969
-------------------------------------	-------------------	-------------------

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.567.900.108.526	2.401.060.407.368
Giá vốn của thành phẩm đã bán	145.154.272.296	255.586.702.871
Giá vốn của phế liệu	777.166.445	602.164.692
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.204.267.988	297.180.612
Cộng	1.719.035.815.255	2.657.546.455.543

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.974.836.452	2.714.073.376
Lãi đầu tư chứng khoán	-	259.626.549
Lãi bán hàng trả chậm – Xem thêm mục 8.	20.220.324.452	19.832.731.990
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.413.089.960	1.828.602.893
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	6.405.000
Cộng	23.608.250.864	24.641.439.808

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	27.410.292.529	32.139.764.873
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.043.723.269	4.598.194.441
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.555.557.355	2.180.795.671
Chi phí tài chính khác	-	2.541.095
Dự phòng tổn thất đầu tư	7.946.013.927	7.857.268
Cộng	64.955.587.080	38.929.153.348

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.341.948.320	1.386.793.284
Chi phí vận chuyển	5.208.775.330	6.562.177.880
Chi phí xuất khẩu	3.342.704.134	5.841.751.370
Chi phí khác	936.114.761	851.072.050
Cộng	10.829.542.545	14.641.794.584

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.136.780.024	2.822.132.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	567.899.453	1.910.038.943
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.402.246.531	3.909.300.301
Chi phí khác	4.794.464.571	11.292.532.484
Cộng	13.901.390.579	19.934.003.744

6.7. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.143.094.433	1.514.446.860
Thu nhập khác	1.215.511.545	184.984.971
Cộng	6.358.605.978	1.699.431.831

6.8. Chi phí khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	8.683.522.239	1.826.134.313
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	5.260.122.382	4.036.334.540
Chi phí khác	185.051.266	18.037.513
Cộng	14.128.695.887	5.880.506.366

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	127.815.363.272	195.557.329.622
Chi phí nhân công	5.253.453.530	5.845.483.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	672.876.335	4.654.957.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.425.420.537	5.162.841.341
Chi phí khác bằng tiền	20.967.598.260	22.881.043.940
Cộng	173.134.711.934	234.101.656.476

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là khoản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lỗ năm nay với thuế suất trong tương lai là 20%.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.253.833.581.231	1.465.574.315.538

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.208.029.422.363)	(1.372.033.508.087)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con
3. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
4. Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
5. Bà Nguyễn Thanh Dung	Quan hệ ruột thịt với BGD và HĐQT
6. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.3:		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	647.438.478	647.438.478
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	448.751.005.581	454.719.040.388
Cộng	449.398.444.059	455.366.478.866

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.4:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	125.553.563.860	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	-	785.134.730
Cộng	125.553.563.860	785.134.730

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu dài hạn – Xem thêm mục 5.3:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	-	27.218.920.903

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải trả người bán - Xem thêm mục 5.11:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	(199.420.090.580)	(6.391.938.778)
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	(253.143.755)	-
Cộng	(199.673.234.335)	(6.391.938.778)

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.13:		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	(1.627.054.897)	(1.627.054.897)
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	(39.315.509.268)	(36.255.125.283)
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	(99.846.900)	(99.846.900)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(11.679.250)	-
Cộng	(41.054.090.315)	(37.982.027.080)

	Cuối năm	VND Đầu năm
Vay phải trả - Xem thêm mục 5.14:		
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	(465.000.000)	(1.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 6.1:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	1.042.432.542.689	1.726.539.986.969

		VND
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	781.619.529.127	1.375.833.395.157

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi bán hàng trả chậm – Xem thêm mục 6.3:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	20.220.324.452	19.832.731.990

		VND
	Năm nay	Năm trước
Bán tài sản cố định		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	4.977.887.704	-

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan cũng như việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có đảm bảo và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cầm giữ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn và cho mượn không chịu lãi suất. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 0%.

Trong năm, Công ty có bán hàng trả chậm cho các bên liên quan với lãi suất 6 tháng đầu năm là 7,28%/năm và 6 tháng cuối năm là 0,00%/năm (năm trước là từ 5%/năm đến 15%/năm).

Cam kết bảo lãnh:

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá trị bảo lãnh và thế chấp cho các bên có liên quan - Xem thêm mục 5.7 và 5.10:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	46.359.194.855	47.761.510.582

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá trị được bảo lãnh, thế chấp từ các bên có liên quan - Xem thêm mục 5.14:		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	701.045.705.891	739.031.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị được bảo lãnh, thế chấp bằng tài sản của cá nhân có liên quan - Xem thêm mục 5.14:		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	62.481.000.000	62.481.000.000
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên	86.583.400.000	86.583.400.000
Cộng	149.064.400.000	149.064.400.000

Giá trị của các tài sản đảm bảo trên được ghi nhận theo biên bản định giá của ngân hàng.

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	31.000.000	51.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	198.564.800	239.195.600
Cộng	229.564.800	290.195.600

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Công ty có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Công ty.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Công ty có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.
- Rủi ro thị trường: Là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ biến động về mặt giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai do những biến động về giá cả trên thị trường. Về cơ bản, Công ty có thể có các rủi ro thị trường sau:
 - + Rủi ro lãi suất
 - + Rủi ro tiền tệ
 - + Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Công ty. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Công ty có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	VND	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
Tài sản tài chính:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.906.249.112	51.103.593.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	613.806.795.835	588.133.240.031
Đầu tư ngắn hạn khác	70.292.000.000	13.484.000.000
Đầu tư dài hạn khác	68.477.795	68.477.795
Cộng	705.073.522.742	652.789.311.011
Công nợ tài chính:		
Các khoản vay	581.913.090.822	531.165.777.897
Phải trả người bán và phải trả khác	612.895.879.528	354.192.262.810
Chi phí phải trả	119.457.624	685.781.401
Cộng	1.194.928.427.974	886.043.822.108

Rủi ro tín dụng

Công ty kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Công ty đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	31/12/2015	01/01/2015
Tiền và tương đương tiền	20.906.249.112	51.103.593.185
Phải thu khách hàng và phải thu khác	613.806.795.835	588.133.240.031
Cộng	634.713.044.947	639.236.833.216

Công ty không nắm giữ các khoản thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	VND		
	Vay và nợ	Nợ phải trả	Cộng
Dưới 01 năm	581.448.090.822	613.015.337.152	1.194.463.427.974
Từ 1 – 3 năm	465.000.000	-	465.000.000
Số dư ngày 31/12/2015	581.913.090.822	613.015.337.152	1.194.928.427.974

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

	Vay và nợ	Nợ phải trả	VND Cộng
Dưới 01 năm	530.129.777.897	354.878.044.211	885.007.822.108
Từ 1 – 3 năm	1.036.000.000	-	1.036.000.000
Số dư ngày 1/1/2015	531.165.777.897	354.878.044.211	886.043.822.108

Công ty dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Công ty dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Công ty đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất đối với các hợp đồng vay theo lãi suất thả nổi. Bảng dưới đây cung cấp chi tiết các khoản nợ theo từng loại lãi suất.

	VND	
Nợ tài chính:	2015	2014
Theo lãi suất thả nổi	581.448.090.822	530.129.777.897
Không chịu lãi suất	465.000.000	1.000.000.000

Phân tích độ nhạy cảm

Phân tích này được thực hiện đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi. Ban Giám đốc đánh giá rằng một khoản thay đổi về lãi suất là 1% có thể xảy ra vào cuối năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016. Ảnh hưởng về thay đổi lãi suất đối với các khoản nợ tài chính theo lãi suất thả nổi, nếu đã xảy ra vào cuối niên độ hiện hành, đã được đánh giá về mặt thay đổi dòng tiền và chi phí và đã được định lượng như sau:

Một khoản tăng hoặc giảm 1% lãi suất sẽ tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế là 4.652.764.641 VND (2014: 4.168.135.693 VND).

Rủi ro ngoại tệ

Công ty có các hoạt động quốc tế nên chịu rủi ro về ngoại tệ như là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chịu rủi ro do thực hiện mua và bán bằng USD với nước ngoài có giá trị lớn. Về vấn đề này, Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và lập kế hoạch mua và bán hàng hóa bằng ngoại tệ trong tương lai, ngoài ra, Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh nào để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Phải thu thương mại và phải thu khác	Tiền và tương đương tiền	Cộng
Số dư tại ngày 31/12/2015			
Đô la Mỹ (USD)	632.851,34	6.290,82	639.142,16
Euro (EUR)	-	100,27	100,27

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Số dư tại ngày 01/01/2015

Đô la Mỹ (USD)	3.117.531,30	556.746,02	3.674.277,32
Euro (EUR)	-	100,26	100,26

Nợ tài chính được phân tích theo từng loại tiền tệ như sau:

	Các khoản vay	Phải trả thương mại và khác	Cộng
Số dư tại ngày 31/12/2015			
Đô la Mỹ (USD)	11.566.735,89	11.790.217,29	23.356.953,18

Số dư tại ngày 01/01/2015

Đô la Mỹ (USD)	15.857.614,67	13.483.929,53	29.341.544,20
----------------	---------------	---------------	---------------

Để quản lý rủi ro ngoại tệ, Công ty đã ký các hợp đồng tiền tệ kỳ hạn.

Phân tích độ nhạy cảm

Một khoản tăng/giảm 10% đối với tỷ giá hối đoái giữa VND và Đô la Mỹ sẽ giảm/ tăng lợi nhuận sau thuế là 4.096.833.604 VND (2014: 4.278.374.048 VND).

Các phân tích nêu trên được thực hiện trên cơ sở sau:

- Ước tính của Ban Tổng Giám đốc về thay đổi tỷ giá hối đoái (là 10%) cho năm kết thúc vào ngày 31/12/2016 là hợp lý;
- Không xem xét các giao dịch đã được phòng ngừa rủi ro. Công ty dự kiến các biến động về giá trị của các khoản mục được phòng ngừa rủi ro được bù trừ gần như hoàn toàn với các khoản mục để phòng ngừa rủi ro;

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, phân tích độ nhạy cảm như nêu trên không đại diện cho những rủi ro về tỷ giá hối đoái vốn có do những rủi ro vào cuối niên độ không phản ánh rủi ro trong suốt niên độ.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.

11. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Do tái cơ cấu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh:

- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, 02 chi nhánh này vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2016.

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



VÕ THỊ CẨM TÚ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ NGỌC KHANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THANH NGHĨA

